

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm trước đề xuất của Bộ Tài chính gia hạn thêm 6 tháng đối với các chính sách hỗ trợ cho đối tượng bị ảnh hưởng do dịch Covid-19

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

V#KBSectorBulletBody

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

HPG, CTG

[Cập nhật công ty]

TCB

[Quan điểm đầu tư]

Khuyến nghị chốt lời từng phần theo kỳ vọng tại các vùng giá cao khi chỉ số chớm vượt vùng cản 1000 điểm

25/11/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	999.94	+0.42
VN30	960.63	+0.11
HĐTL VN30F1M	960.00	-0.41
HNXIndex	148.09	+0.35
HNX30	268.66	+0.64
UPCoM	66.60	-0.24
USD/VND	23,165	+0.10
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.50	-2
Lãi suất qua đêm (%)	0.15	+5
Dầu (WTI, \$)	45.39	+1.07
Vàng (LME, \$)	1,811.52	+0.22



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 999.94 (+0.42%)
KLGD (triệu CP) 445.3 (-10.5%)
GTGD (triệu US\$) 474.8 (-11.2%)

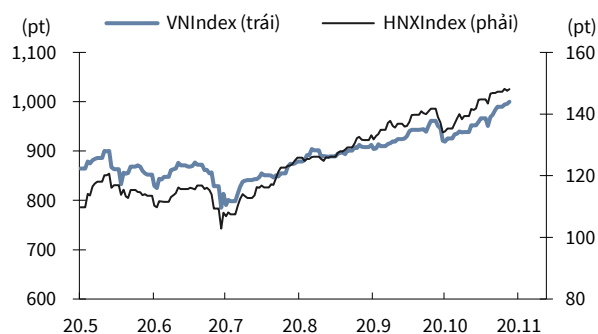
HNXIndex 148.09 (+0.35%)
KLGD (triệu CP) 73.2 (+3.0%)
GTGD (triệu US\$) 45.9 (-6.6%)

UPCoM 66.60 (-0.24%)
KLGD (triệu CP) 29.8 (+18.4%)
GTGD (triệu US\$) 17.8 (-3.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -6.5

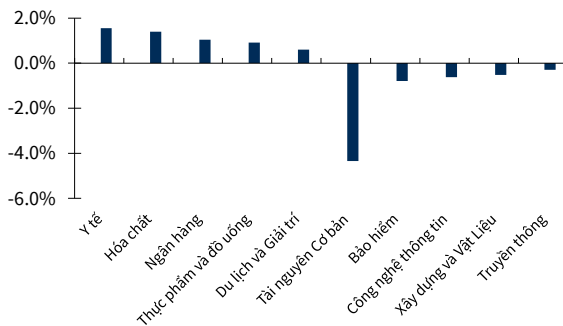
TTCK tăng điểm trước đề xuất của Bộ Tài chính gia hạn thêm 6 tháng (đến hết 30/6/2021) đối với các chính sách hỗ trợ cho đối tượng bị ảnh hưởng do dịch Covid-19, tương đương với tổng mức hỗ trợ ước tính khoảng 1,000 tỷ đồng. Cổ phiếu đầu khí như PVD (+2%), PVS (+1.9%) tăng mạnh nhờ diễn biến phục hồi của giá dầu trước các thông tin tích cực liên quan đến vaccine Covid-19. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), xuất khẩu tôm Việt nam tháng 10 sang Mỹ và EU tăng mạnh, lần lượt đạt 39% yoy và 42% yoy, giúp cổ phiếu ngành thủy sản tăng giá TS4 (+5.7%), FMC (+0.3%). Trong báo cáo mới đây gửi Thủ tướng, Bộ Tài chính đề xuất không gia hạn giảm 50% phí trước bạ ô tô khi Nghị định 70 hết hiệu lực từ ngày 1/1/2021 khiến cổ phiếu nhóm ô tô và phụ tùng giảm giá VEA (-1.7%), HAX (-1.4%). Cổ phiếu đầu ngành thép HPG (-5.1%) giảm sâu sau thông tin nhà đầu tư ngoại đăng ký bán với khối lượng lớn, kéo theo diễn biến giảm ở các cổ phiếu khác trong ngành như NKG (-3%), HSG (-3.2%). Khối ngoại bán ròng ở HPG (-5.07%), HDB (-0.59%), VHM (-0.36%).

VNIndex & HNXIndex



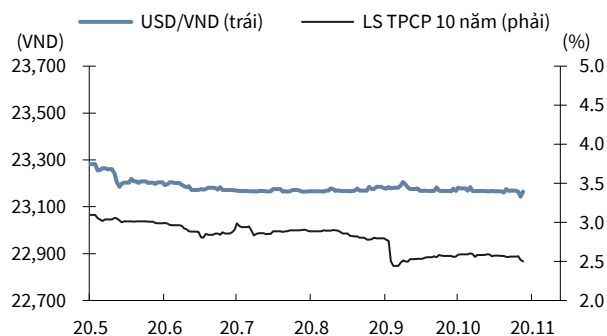
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

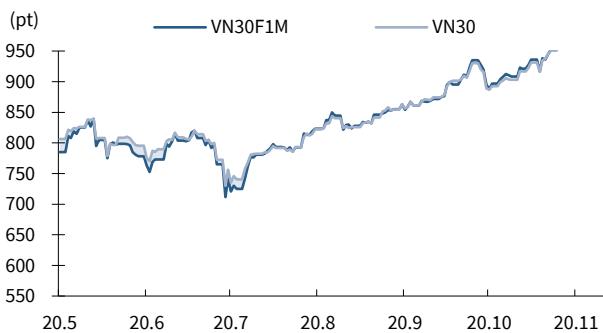
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	960.63 (+0.11%)
VN30F1M	960.0 (-0.41%)
Mở cửa	966.2
Cao nhất	970.0
Thấp nhất	960.0

HĐTL giảm điểm do áp lực chốt lời của bên LONG vào cuối phiên. Chênh lệch F2012 mở cửa ở mức 6.79, giao động trong biên độ 1.7 - 5.9, trước khi đảo chiều đóng cửa ở -0.63 khi bên LONG thực hiện hoạt động chốt lời. NĐTNN mua ròng khối lượng lớn trong phiên hôm nay. Thanh khoản giảm nhẹ.

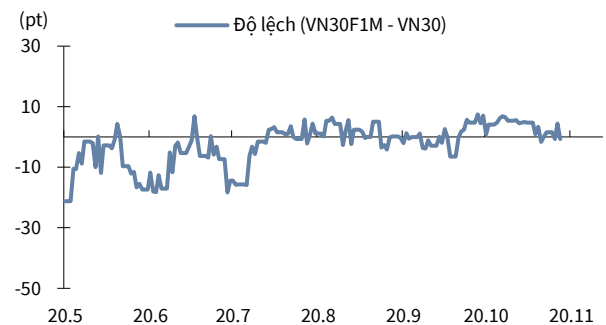
KLGD (HĐ) **127,960 (-17.2%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



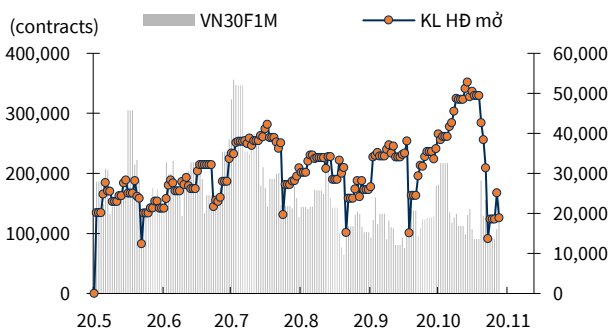
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



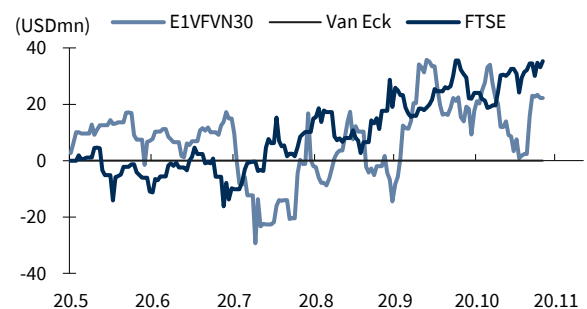
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

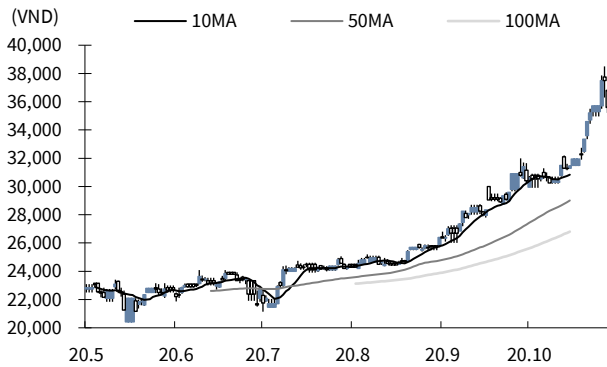
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

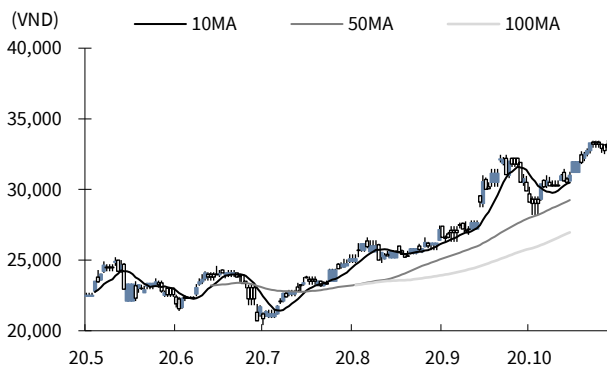
Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG giảm -5.1% xuống 35,600 VND/cp.
- Quỹ đầu tư PENM III thuộc công ty PENM Partners đã đăng kí bán toàn bộ 76.5 triệu cổ phiếu HPG (tương đương 2.31% số cổ phiếu đang lưu hành) với lý do quỹ sẽ dừng hoạt động vào năm 2021. Thời gian giao dịch diễn ra từ 27/11 đến 25/12.
- Trước đó, ông Trần Đình Long, chủ tịch HPG, đã đăng ký mua thỏa thuận 24 triệu cổ phiếu HPG từ phó chủ tịch tập đoàn. Giao dịch dự kiến diễn ra từ 27/11 đến 26/12.

Vietinbank (CTG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTG tăng 0.8% lên 33,000 VNĐ/cp.
- CTG mới đây đã được cổ đông thông qua phương án phát hành hơn 1.07 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức (tương ứng 28.8% cổ phiếu đang lưu hành), qua đó nâng vốn điều lệ từ 37,234 tỷ đồng lên 47,953 tỷ đồng
- Trước đó, ngân hàng đưa ra kế hoạch 2021 với lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 10,400 tỷ đồng (-11.7% yoy), tài sản tăng 1-3%, dư nợ tín dụng tăng 4-8.5%, và tỷ lệ nợ xấu dưới 2%.

TechcomBank (TCB)

Đẩy mạnh trích lập dự phòng nhưng vẫn duy trì tăng trưởng lợi nhuận

25/11/2020

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Anh Tùng
 tungna@kbsec.com.vn

Lũy kế 9M2020, LNST đạt 8,575 tỷ VND, tăng 20.6% YoY

Lũy kế 9M2020, thu nhập lãi thuần đạt 13,295 tỷ VND, tăng 28.4% yoy, LNST đạt 8,575 tỷ VND, tăng 20.6% YoY. Kết quả có được do: (1) NIM được cải thiện; (2) Lãi từ dịch vụ thanh toán và dịch vụ bảo lãnh, phát hành chứng khoán tăng trưởng tốt.

Kì vọng tăng trưởng tín dụng từ bất động sản trong giai đoạn 2021-2023

Dư nợ cho vay bất động sản của TCB (không tính các khoản cho vay thế chấp mua nhà cho cá nhân) tăng mạnh trong năm 2019 và tiếp tục tăng 37.8% YTD. Với kì vọng tăng trưởng BĐS tốt trong các năm tới, còn rất nhiều dư địa để tăng trưởng dư nợ cho vay bất động sản.

CASA cải thiện, đạt 38.6%, cao nhất hệ thống

Tỷ lệ CASA 3Q2020 của TCB đạt 38.6%, tăng 1.4% điểm Ytd. Tính đến 3Q2020, TCB có tỷ lệ CASA cao nhất hệ thống cùng với mức tăng trưởng CASA tốt nhất trong 9 tháng đầu năm đến từ tăng trưởng E-Banking cùng với các chính sách khách hàng hấp dẫn

TCB đứng đầu về dư nợ trái phiếu doanh nghiệp và doanh thu phí phát hành và bảo lãnh chứng khoán.

TCB là ngân hàng đứng đầu về dư nợ trái phiếu doanh nghiệp, chiếm 22.6% tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp toàn hệ thống và đi đầu về doanh thu phí bảo lãnh và phát hành chứng khoán (chủ yếu là trái phiếu) với thị phần đạt 81% trong 9M2020. Dư địa phát triển mảng trái phiếu doanh nghiệp đối với TCB còn rất nhiều khi quy mô thị trường vẫn thấp hơn rất nhiều so với các quốc gia khác.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 29,920 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu TCB. Giá mục tiêu là 29,920 VND/cp, cao hơn 26.5% so với giá tại ngày 24/11/2020.

Mua

Giá mục tiêu VND 29,920

Tăng/Giảm	26.5%
Giá hiện tại (24/11/2020)	VND 23,650
Giá mục tiêu đồng thuận	30,300 VND
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	84,439

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	85%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	286/12.3
Sở hữu nước ngoài (%)	22.51%
Cơ cấu cổ đông	Masan (14.98%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
TCB	1.5	9.0	11.8	0.9
VNIndex	5.2	11.7	13.5	1.9

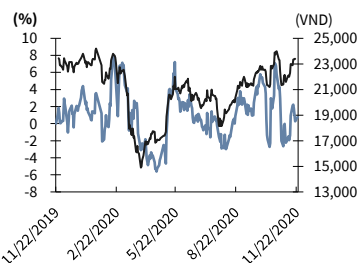
Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2018A	2019A	2020F	2021F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	11,390	14,258	17,969	19,700
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	12,507	13,756	17,289	20,252
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	8,463	10,075	11,016	13,067
EPS (VND)	3,816	2,871	3,228	3,829
Tăng trưởng EPS (%)	-35.9%	19.8%	17.7%	17.9%
PER (x)	6.2	8.2	7.3	6.2
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	14,809	17,734	20,882	24,615
PBR (x)	1.6	1.3	1.1	1.0
ROE (%)	21.5%	18.0%	16.7%	16.8%
Tỷ lệ cổ tức (%)	0.1%	0.1%	0.1%	0.1%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Tăng trưởng giá tương quan với VN-Index (Trái)

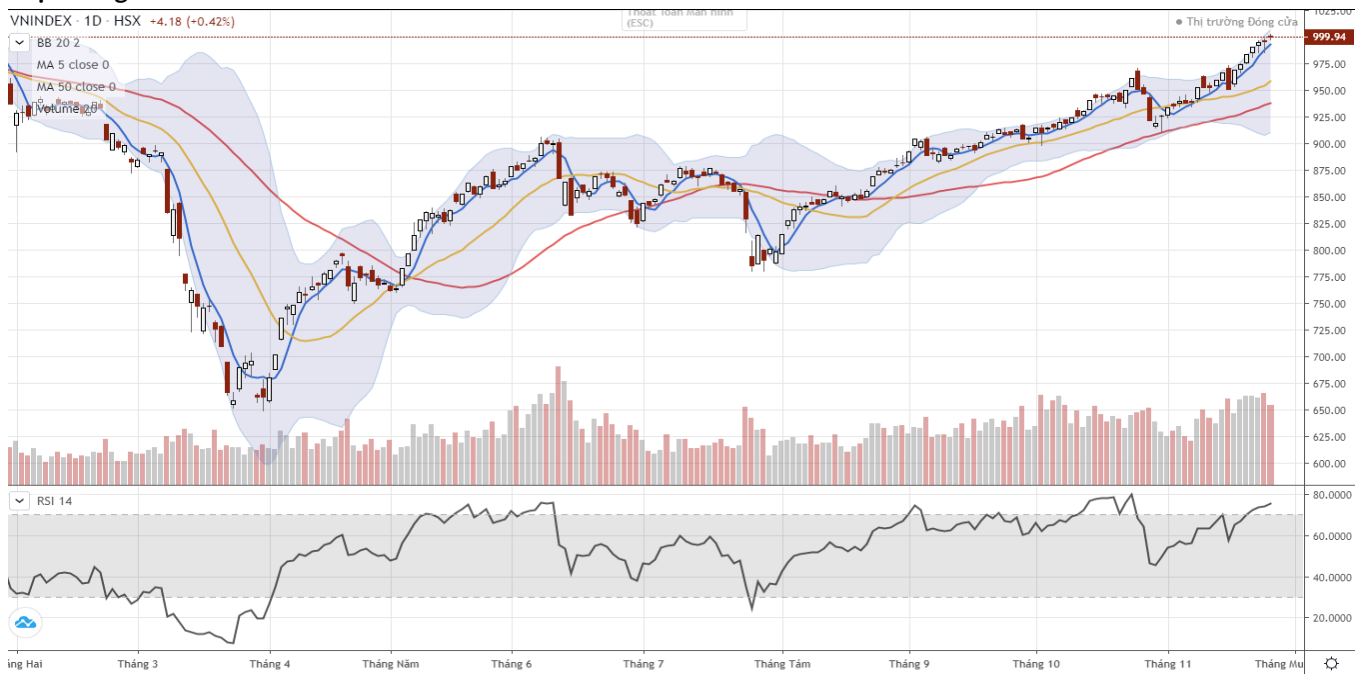
Giá cổ phiếu TCB (Phải)



Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

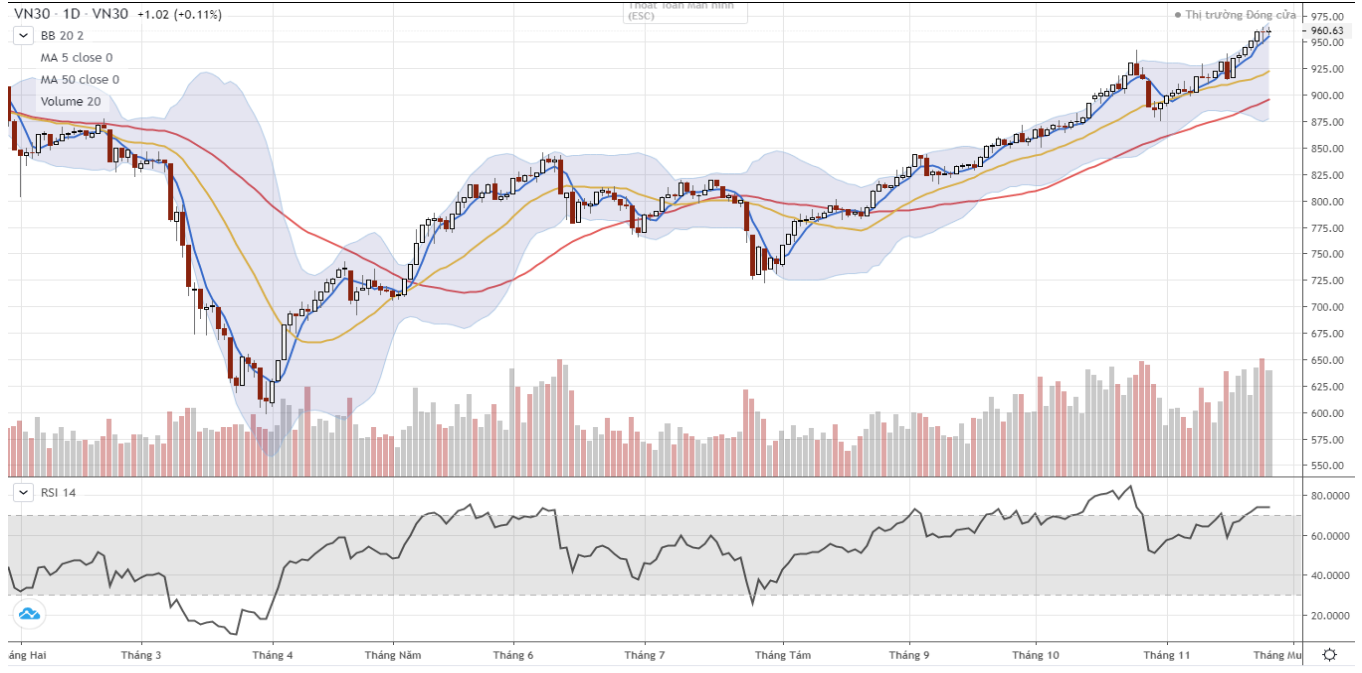
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng điểm nhẹ và diễn biến giằng co trong biên độ hẹp.
- Trạng thái thị trường tạm thời khá trung tính với mẫu nến doji, để ngỏ khả năng đảo chiều nếu có thêm 1 phiên giảm điểm tiêu cực kế tiếp xác nhận.
- NĐT tiếp tục được khuyến nghị chốt lời từng phần theo kỳ vọng tại các vùng giá cao khi chỉ số chớm vượt vùng cản 1000 điểm.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 970 - 975

Kháng cự gần: 963 - 965

Hỗ trợ gần: 954 - 956

Hỗ trợ xa: 948 - 951

- F1 mở gap tăng nhẹ vào đầu phiên và diễn biến giằng co trước khi đảo chiều giảm điểm về cuối phiên.
- Vùng kháng cự 96x tiếp tục gây ra lực cản trong ngắn hạn và rủi ro đảo chiều sẽ trở nên rõ nét hơn nếu F1 có thêm 1 phiên giảm điểm vào ngày mai.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch cả 2 chiều, mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ và mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm thời đứng ngoài sau khi đã đóng hết vị thế LONG tại quanh cận trên của vùng kháng cự 96x.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

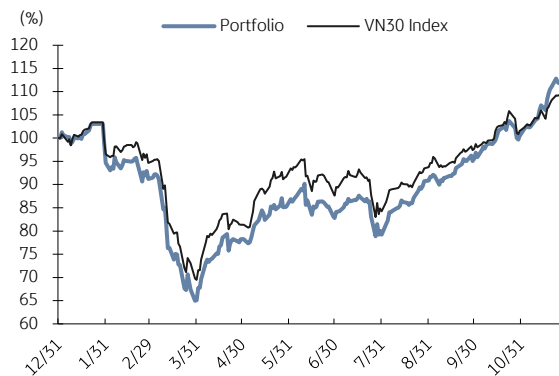
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.11%	-0.22%
Tăng lũy kế (YTD)	9.28%	11.79%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 25/11/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	112,000	0.0%	-3.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	28,350	-0.2%	15.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	76,200	0.4%	-0.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	19,450	0.5%	13.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	45,900	-0.2%	35.0%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	55,200	-0.7%	64.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	33,000	0.8%	35.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	82,700	0.2%	12.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	35,600	-5.1%	82.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	15,200	2.0%	10.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VRE	1.1%	30.6%	56.4
LPB	1.7%	4.8%	29.7
VNM	0.8%	58.1%	23.4
KBC	2.0%	17.9%	11.3
GAS	0.2%	3.0%	9.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-5.1%	33.2%	-182.4
HDB	-0.6%	18.2%	-32.3
VHM	-0.4%	21.9%	-28.1
DCM	-1.6%	3.6%	-19.3
CII	1.7%	30.4%	-18.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
ACB	0.0%	30.0%	22.3
PVS	2.0%	10.5%	9.1
SZB	1.3%	0.5%	1.3
SHS	0.0%	8.0%	0.8
VCS	0.6%	2.9%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
AMV	-1.8%	2.8%	-3.2
BNA	0.3%	1.3%	-1.5
BVS	0.0%	23.4%	-1.4
SLS	1.3%	0.7%	-1.3
PLC	-0.8%	1.1%	-0.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	4.3%	PLX, PVD
Xây dựng và Vật Liệu	4.0%	VGC, CVT
Ngân hàng	3.6%	VCB, BID
Ô tô và phụ tùng	3.5%	TCH, DRC
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.4%	PNJ, TCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-0.4%	GVR, DCM
Truyền thông	-0.3%	YEG, PNC
Bảo hiểm	0.2%	BVH, BIC
Dịch vụ tài chính	1.5%	VCI, VND
Y tế	1.6%	DBD, VDP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	26.6%	GVR, PHR
Tài nguyên Cơ bản	18.1%	HPG, HSG
Hàng cá nhân & Gia dụng	15.4%	PNJ, TCM
Dịch vụ tài chính	13.2%	SSI, VCI
Xây dựng và Vật Liệu	12.0%	VGC, HT1

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-1.0%	YEG, PNC
Thực phẩm và đồ uống	2.8%	MSN, BHN
Ô tô và phụ tùng	4.8%	SVC, HTL
Y tế	5.6%	VMD, VDP
Bất động sản	6.4%	HPX, BCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	105,600	357,185 (15,419)	92,649 (4.0)	22.8	57.4	42.4	19.5	6.7	8.7	4.1	3.7	1.5	0.7	1.5	-8.2
	VHM	VINHOMES JSC	83,500	274,674 (11,857)	219,735 (9.5)	27.1	10.3	8.9	35.1	38.2	31.8	3.2	2.4	-0.4	8.0	5.0	-1.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	28,250	64,193 (2,771)	143,962 (6.2)	18.5	27.0	20.1	-2.7	8.3	11.5	2.2	2.1	1.1	2.7	-0.4	-16.9
	NVL	NO VA LAND INVES	61,400	60,546 (2,614)	83,313 (3.6)	32.9	15.9	15.3	3.5	15.8	13.9	2.4	-	-0.2	-0.2	-1.4	3.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,950	14,501 (626)	40,665 (1.8)	9.8	13.4	11.2	14.3	14.1	15.6	1.7	1.6	-0.8	5.5	6.4	1.3
	DXG	DAT XANH GROUP	13,750	7,126 (308)	80,839 (3.5)	12.7	17.3	6.9	-55.3	3.1	14.0	1.0	0.9	-0.4	-2.8	12.7	-5.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	93,500	346,780 (14,970)	77,254 (3.3)	6.3	21.4	18.2	10.4	19.4	19.0	3.6	3.0	1.2	6.7	6.9	3.7
	BID	BANK FOR INVESTM	41,300	166,109 (7,171)	70,095 (3.0)	12.7	26.0	18.2	-3.9	9.1	11.5	2.0	1.9	1.5	3.1	-3.5	-10.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	23,600	82,603 (3,566)	490,751 (21.2)	0.0	7.7	6.6	5.4	16.0	15.9	1.1	1.0	-0.2	1.1	-1.7	0.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	33,000	122,872 (5,304)	267,347 (11.5)	1.0	14.0	10.5	28.9	12.4	14.6	1.5	1.3	0.8	0.8	3.8	57.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	26,700	65,088 (2,810)	166,201 (7.2)	0.5	7.9	6.8	5.2	17.9	16.8	1.3	1.1	4.1	7.2	3.9	33.5
	MBB	MILITARY COMMERC	19,450	53,938 (2,328)	157,477 (6.8)	0.0	6.9	6.0	10.2	18.5	17.7	1.1	1.0	0.5	-1.0	3.2	7.5
	HDB	HDBANK	25,400	31,895 (1,377)	90,323 (3.9)	3.4	7.1	6.1	26.5	19.2	18.7	1.2	1.0	-0.6	-1.0	-0.2	19.9
	STB	SACOMBANK	14,350	25,882 (1,117)	192,924 (8.3)	14.5	14.8	11.6	11.5	7.2	8.4	0.9	0.9	-1.0	1.1	-1.4	42.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	25,150	20,537 (887)	46,708 (2.0)	0.0	6.7	5.5	30.8	22.4	20.4	1.3	1.0	-0.6	1.6	2.0	19.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,250	21,208 (916)	5,198 (0.2)	0.0	24.9	28.4	13.6	5.3	4.4	1.3	1.2	0.6	0.3	-1.4	-3.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	55,200	40,976 (1,769)	50,302 (2.2)	20.5	32.2	26.2	4.6	6.6	8.2	2.1	2.0	-1.1	-0.2	-0.5	-19.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	30,650	2,800 (121)	10,189 (0.4)	14.5	-	-	-	8.2	9.1	1.2	1.2	-0.2	5.0	9.1	23.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	19,200	11,538 (498)	97,807 (4.2)	51.6	13.0	11.9	-15.9	9.2	9.7	-	-	1.3	4.3	7.3	23.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	41,700	6,906 (298)	41,369 (1.8)	73.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	-3.1	8.7	41.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	24,300	7,413 (320)	66,293 (2.9)	51.4	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	4.7	10.0	13.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,200	3,587 (155)	29,281 (1.3)	15.8	-	-	-	-	-	-	-	0.3	-2.8	7.5	19.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	110,500	230,906 (9,968)	211,560 (9.1)	42.0	22.2	20.3	7.1	38.3	39.1	7.9	7.1	0.8	1.0	0.5	13.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,200	123,254 (5,321)	20,045 (0.9)	36.9	28.5	23.5	3.3	22.4	25.3	6.0	5.3	1.6	4.7	3.4	-15.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	82,300	96,676 (4,173)	205,085 (8.9)	15.3	104.6	38.7	-58.2	2.4	6.7	3.0	2.9	0.4	-0.7	-4.3	45.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	13,350	14,799 (639)	22,482 (1.0)	48.9	-	-	-	-	-	-	-	6.8	21.4	12.2	-4.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	119,000	62,337 (2,691)	65,089 (2.8)	11.8	-	19.9	-91.0	0.0	20.3	4.3	3.8	0.8	4.8	13.0	-18.6
	GMD	GEMADEPT CORP	27,000	8,017 (346)	31,040 (1.3)	0.0	19.9	17.8	-53.3	6.8	7.4	1.3	1.3	-1.8	-2.9	13.9	15.9
	CII	HO CHI MINH CITY	17,550	4,192 (181)	26,631 (1.1)	39.6	8.8	8.2	142.2	9.6	9.4	0.8	0.7	1.7	4.2	0.0	-22.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,180	1,237 (053)	10,258 (0.4)	47.3	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-1.8	-5.6	-87.4
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,900	9,822 (424)	195,417 (8.4)	35.7	25.6	11.0	-20.9	10.5	13.6	-	-	-1.4	0.5	-1.6	8.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	63,800	4,867 (210)	54,187 (2.3)	3.1	8.0	8.8	-34.2	7.3	6.7	0.6	0.6	1.4	0.8	12.1	24.4
	REE	REE	45,900	14,231 (614)	19,245 (0.8)	0.0	9.3	8.4	-9.0	13.6	13.8	1.2	1.1	-0.2	4.6	9.3	26.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	82,700	158,284 (6,833)	91,173 (3.9)	46.0	19.6	16.7	-14.2	17.0	18.4	3.1	3.1	0.2	3.4	12.5	-11.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,150	6,664 (288)	3,493 (0.2)	29.6	10.3	9.8	-7.3	15.5	16.5	1.6	1.5	-0.4	0.7	2.4	6.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,050	7,390 (319)	3,436 (0.1)	33.6	8.8	8.4	-13.6	14.4	14.6	1.2	1.2	0.0	0.2	-0.4	-14.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	35,600	117,953 (5,092)	710,777 (30.7)	15.8	10.5	8.8	15.0	20.9	20.5	2.1	1.7	-5.1	2.9	15.2	81.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (294)	48,426 (2.1)	36.5	9.9	10.5	7.6	9.6	8.6	0.8	0.8	-1.7	0.3	1.2	34.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,150	6,432 (278)	42,340 (1.8)	45.4	10.7	20.1	1.0	10.3	5.7	1.0	1.0	-1.6	-2.0	-5.1	86.9
	HSG	HOA SEN GROUP	18,100	8,042 (347)	218,754 (9.4)	37.7	8.9	8.8	71.2	13.3	12.2	1.1	-	-3.2	-5.0	17.5	143.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,050	2,672 (115)	18,382 (0.8)	97.8	6.5	7.3	39.3	13.3	10.5	0.6	0.6	-0.4	4.8	3.4	-0.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	50,400	61,428 (2,652)	25,156 (1.1)	4.2	54.0	17.2	-42.9	5.0	15.1	2.5	2.3	0.4	4.1	1.8	-10.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	13,250	5,580 (241)	84,518 (3.6)	40.3	50.8	52.0	-14.7	0.8	1.0	0.4	0.4	1.9	5.6	16.2	-12.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	14,900	4,193 (181)	36,591 (1.6)	32.1	8.7	8.1	-11.1	10.5	10.6	0.8	0.8	0.0	0.7	9.6	-11.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	112,000	50,692 (2,188)	112,697 (4.9)	0.0	13.4	9.9	11.5	27.0	28.9	3.3	2.6	0.0	1.3	1.8	-1.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	76,200	17,154 (741)	90,074 (3.9)	0.0	18.5	15.2	1.3	21.0	23.5	3.5	3.1	0.4	3.7	12.1	-11.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	44,300	1,386 (060)	1,517 (0.1)	69.9	18.6	13.6	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	0.0	0.2	-1.7	19.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	22,200	1,753 (076)	9,653 (0.4)	14.3	14.8	10.5	-48.5	6.8	12.1	1.2	1.0	-0.9	0.0	-5.1	5.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	63,000	8,536 (369)	69,867 (3.0)	36.5	8.6	7.9	25.2	36.4	31.8	2.8	2.4	-2.8	-0.3	13.5	64.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	103,300	13,506 (583)	477 (0.0)	45.2	19.2	17.8	11.9	21.6	20.5	3.7	3.4	0.6	0.3	-0.6	12.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	74,900	5,618 (243)	1,237 (0.1)	29.9	15.9	-	7.3	16.4	-	2.6	-	1.1	1.6	6.8	37.9
IT	FPT	FPT CORP	55,200	43,272 (1,868)	121,816 (5.3)	0.0	12.6	11.0	19.1	22.7	23.5	2.5	2.3	-0.7	2.2	2.4	8.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.